

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP
VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**

Số: 16.../CK-HS

V/v: Giải trình chênh lệch số liệu BCTC HN
năm 2012 trước và sau kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2013

KÍNH GỬI: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ theo yêu cầu của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh,

Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hoá Sinh xin được giải trình chênh lệch số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 trước và sau kiểm toán như sau:

Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch
A. Bảng cân đối kế toán			
1. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(14.173.238.033)	(11.491.348.327)	(2.681.889.706)
2. Hàng tồn kho	450.850.293.386	450.932.723.275	(82.429.889)
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.883.465.181	1.882.636.015	829.166
4. Thuế và các khoản khác phải thu NN	656.806.499	654.301.574	2.504.925
5. Tài sản cố định hữu hình	74.747.556.234	76.351.303.241	(1.603.747.007)
- Nguyên giá	140.176.012.480	141.852.467.025	(1.676.454.545)
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(65.428.456.246)	(65.501.163.784)	72.707.538
6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	58.471.721.437	56.795.266.892	1.676.454.545
7. Chi phí trả trước dài hạn	843.036.698	843.865.864	(829.166)
8. Phải trả người bán	51.301.789.951	51.360.621.551	(58.831.600)
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	115.016.879.859	115.141.879.859	(125.000.000)
10. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	263.736.173	(263.736.173)
11. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.750.629	(1.750.629)
12. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.773.744.958)	452.060.033	(2.225.804.991)
13. Lợi ích của cổ đông thiểu số:	3.391.286.346	3.405.270.085	(13.983.739)
B. Kết quả hoạt động kinh doanh			
1. Giá vốn hàng bán	982.529.845.014	982.811.666.015	(281.821.001)
2. Doanh thu hoạt động tài chính	844.581.655	784.524.226	60.057.429
3. Chi phí bán hàng	3.765.032.451	3.756.999.307	8.033.144
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.899.698.102	2.934.822.988	2.964.875.114
5. Thu nhập khác	8.368.830.964	8.105.094.791	263.736.173
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành	503.388.588	5.893.513	(2.504.925)
7. Lợi ích của cổ đông thiểu số	(100.713.654)	(86.729.915)	(13.983.739)
8. Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(1.899.735.143)	451.069.848	(2.350.804.991)
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(192)	46	(238)

C. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.058.485.841.806	1.354.741.367.026	(296.255.525.220)
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(895.339.894.450)	1.191.595.419.670)	296.255.525.220
3. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	98.090.214.645	118.345.046.502	(20.254.831.857)
4. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(197.119.170.226)	(213.970.507.325)	16.851.337.099
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(6.125.480.607)	(2.283.870.000)	(3.841.610.607)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	738.552.976	701.578.218	36.974.758
7. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	7.208.130.607	-	7.208.130.607

Như vậy, sau kiểm toán Chi tiêu lợi ích sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ đã giảm 2.350.804.991 đồng là do các nguyên nhân sau:

- Điều chỉnh giảm Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, tăng Thu nhập khác theo hướng dẫn tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC: 263.736.173 đồng
- Điều chỉnh tăng Doanh thu tài chính, giảm Phải trả nhà cung cấp đối với khoản đánh giá lại Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ khoản phải trả cho Nhà cung cấp nước ngoài: 58.306.800 đồng
- Điều chỉnh giảm Chênh lệch tỷ giá hối đoái, tăng Doanh thu hoạt động tài chính đối với khoản đánh giá lại số dư cuối kỳ hạch toán nhằm: 1.750.629 đồng
- Tăng chi tiêu Thuế phải thu NN do xác định lại Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính 2012: 2.504.925 đồng
- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính: 2.681.889.706 đồng
- Điều chỉnh tăng giá vốn hàng bán 73.871.945 đồng và chi phí bán hàng 8.033.144 đồng do tính lại giá xuất kho.
- Điều chỉnh giảm KH TSCĐ, giảm Giá vốn hàng bán đối với khấu hao các tài sản trong kỳ do trích KH chưa phù hợp: 72.707.538 đồng.
- Điều chỉnh tăng khoản lỗ chia cho cổ đông thiểu số của Công ty con: 13.983.739 đồng.

Ngoài ra điều chỉnh ở các chi tiêu khác như sau:

- Điều chỉnh giảm thuế TNCN đối với cổ tức của các cổ đông cá nhân chi trả trong năm 2012: 125.000.000 đồng
- Điều chỉnh tăng Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, giảm Nguyên giá TSCĐ đối với Máy móc, thiết bị chưa đưa vào sử dụng: 1.676.454.545 đồng
- Điều chỉnh tăng chi tiêu Chi phí QLDN, giảm chi tiêu Giá vốn hàng bán do phân loại lại chi phí khấu hao năm 2012: 282.387.408 đồng và điều chỉnh nghiệp vụ mua phần mềm diệt virus: 598.000 đồng
- Điều chỉnh giảm chi tiêu Phải trả người bán, giảm chi tiêu Nguyên vật liệu do bên bán hạ giá bán: 524.800 đồng

- Điều chỉnh tăng Chi phí trả trước ngắn hạn, giảm Chi phí trả trước dài hạn đối với Bản quyền phần mềm kế toán: 829.166 đồng
- Điều chỉnh phân loại lại nhóm TSCĐ cho phù hợp (Giảm Nhà cửa vật kiến trúc, tăng Máy móc thiết bị đối với 2 tài sản là Hệ thống dây nguồn cho toàn phân xưởng và Hệ thống chống sét): 58.000.0000 đồng
- Điều chỉnh lại hàng tồn kho: Giảm chi tiêu Thành phẩm 6.671.268 đồng đồng thời tăng chi tiêu Nguyên vật liệu 1.372.525 đồng và tăng chi tiêu Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” 5.298.743 đồng do tính lại giá xuất kho.
- Các khoản chênh lệch trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là do điều chỉnh giảm các khoản thu, chi nội bộ.

Trên đây là phần giải trình số liệu chênh lệch mà Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hoá Sinh xin được trình bày cho Quý cơ quan và Quý cổ đông của Công ty được rõ.

Trân trọng kính chào.

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH NGHĨA

